

**PHỤ LỤC 01B: BIỂU PHÍ GIAO DỊCH GÓI TÀI KHOẢN THANH TOÁN & GIAO DỊCH TIỀN MẶT**

STT	DANH MỤC CÁC LOẠI PHÍ	MỨC ÁP DỤNG			CĂN CỨ TÍNH	NHOM GIẢM PHÍ
		Mức phí	Tối thiểu	Tối đa		
<b>A</b>	<b>GIAO DỊCH GÓI TÀI KHOẢN</b>					
1	Mở gói tài khoản	Miễn phí				A
2	Số dư tối thiểu bình quân					A
	- Gói tài khoản VND	50.000 VND			01 tài khoản	
	- Gói tài khoản ngoại tệ	20 USD/ 20 EUR hoặc tương đương quy đổi bằng 20 USD đối với ngoại tệ khác			01 tài khoản	
3	Phí quản lý gói tài khoản					
	- Gói Tài khoản thanh toán VND (lần thu đầu tiên bắt đầu từ ngày 26/11/2020) + Miễn phí khi số dư bình quân trong tháng của TK từ 1.000.000 VND trở lên hoặc phát sinh ít nhất 3 giao dịch ghi có* trong 1 tháng từ 1 triệu VND/giao dịch trở lên; + Miễn phí đối với cán bộ nhân viên, khách hàng Payroll của PVcomBank và khách hàng thuộc phân nhóm Ưu tiên và Chiến lược của PVcomBank		20.000 VND		01 tháng	
	(*) Các giao dịch (ghi có) <u>không</u> bao gồm: giao dịch hoàn phí, giao dịch nhận lãi từ sổ tiết kiệm và giao dịch tắt toán sổ tiết kiệm.					
	- Gói Tài khoản thanh toán VND không hoạt động trên 6 tháng.		20.000 VND			
4	Gói tài khoản có số dư dưới mức tối thiểu	Không được hưởng lãi				
5	Đóng gói tài khoản				Thu phí đóng gói TK	A
	- TK mở dưới 12 tháng	50.000 VND/ 5 USD/ 5 EUR hoặc tương đương 5 USD quy đổi với các ngoại tệ khác			01 gói tài khoản	
	- TK mở từ 12 tháng trở lên	Miễn phí			01 gói tài khoản	
6	Sao kê gói tài khoản/sổ phụ hàng tháng				Theo yêu cầu KH	C
	- Sao kê trong tháng	Miễn phí				
	- Sao kê các tháng trong quá khứ	Miễn phí			01 tháng/ 01 bản	
7	Sao lục chứng từ				Theo yêu cầu KH	C
	- Sao lục chứng từ vòng 01 tháng	Miễn phí				

	- Sao lục chứng từ trong vòng 06 tháng		Miễn phí		01 chứng từ	
	- Sao lục chứng từ trên 06 tháng		Miễn phí		01 chứng từ	
<b>8</b>	<b>Fax chứng từ</b>				Theo yêu cầu KH	C
	- Người nhận cùng tỉnh/thành phố		Miễn phí		01 chứng từ	
	- Người nhận khác tỉnh/thành phố		Miễn phí		01 chứng từ	
<b>9</b>	<b>Dịch vụ phong tỏa Gói tài khoản theo yêu cầu PVcomBank hoặc cơ quan có thẩm quyền</b>		Miễn phí			
<b>10</b>	<b>Dịch vụ tạm khoá Gói tài khoản theo yêu cầu của KH</b>		Miễn phí			C
<b>11</b>	<b>Xác nhận số dư bằng văn bản</b>				Theo yêu cầu KH	C
	- Hai bản đầu tiên		Miễn phí		01 lần	
	- Từ bản thứ ba trở đi		Miễn phí		01 bản	
<b>12</b>	<b>Giao dịch khác liên quan đến Gói tài khoản</b>					C
	-Giải quyết hồ sơ nhận thừa kế	Thỏa thuận	50.000 VND		hồ sơ	
	- <b>Lập giấy ủy quyền giao dịch Gói tài khoản thanh toán</b>		50.000 VND		Lần/tài khoản	
<b>B</b>	<b>GIAO DỊCH TIỀN MẶT</b>					
<b>I</b>	<b>TIỀN MẶT VND</b>					
<b>1</b>	<b>Nộp tiền mặt vào Gói TKTT</b>				Thu từ DV ngân quỹ	C
	- Cùng tỉnh/ thành phố nơi mở TK		Miễn phí			
	- Khác tỉnh/ thành phố nơi mở TK					
	+ Chính chủ tài khoản nộp tiền mặt		Miễn phí			
	+ Khác chủ tài khoản nộp tiền mặt		Miễn phí		Số tiền giao dịch	
<b>2</b>	<b>Rút tiền mặt từ Gói TKTT</b>					C
	- Cùng tỉnh/ thành phố nơi mở TK		Miễn phí			
	- Khác tỉnh/ thành phố nơi mở TK		Miễn phí		Số tiền giao dịch	
	<p>- Trường hợp khách hàng chuyển tiền đi trong và ngoài hệ thống trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản thì bị thu thêm phí kiểm đếm (2 ngày làm việc được hiểu theo ví dụ sau: KH nộp tiền mặt vào ngày thứ 7 (03/02/2018), đến Thứ 2 (05/02/2018) khách hàng chuyển tiền đi sẽ bị thu phí. Nếu khách hàng chuyển tiền vào ngày thứ 3 (06/02/2018) trở đi, khách hàng không phải chịu phí).</p> <p>- Miễn phí rút tiền mặt từ TKTT đối với trường hợp Khách hàng vay CCSTK.</p>					
<b>II</b>	<b>TIỀN MẶT NGOẠI TỆ</b>					
<b>1</b>	<b>Nộp tiền mặt vào Gói TKTT ngoại tệ</b>				Thu từ DV ngân quỹ	A
	- Tiền mặt loại 50 USD trở lên	0,17%	2 USD		Số tiền giao dịch	

	- Tiền mặt loại 20 USD trở xuống	0,3%	3 USD		Số tiền giao dịch	
	- Tiền mặt loại 1, 2 USD	0,5%	3 USD		Số tiền giao dịch	
	- Ngoại tệ khác	0,5%	5 USD		Số tiền giao dịch	
<b>2</b>	<b>Rút tiền mặt từ Gói TKTT ngoại tệ</b>				Thu từ DV ngân quỹ	<b>B</b>
	- Rút tiền mặt bằng VNĐ	Theo phí giao dịch TK VND (Mục B.I.1)			Số tiền quy đổi	
	- Rút ngoại tệ mặt	0,15%	2 USD		Số tiền giao dịch	

**Ghi chú:**

1. Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Các mức phí khác với quy định trong biểu phí này hoặc chưa quy định trong biểu phí này sẽ do Tổng Giám Đốc ban hành
3. Biểu phí trên có thể thay đổi theo từng thời kỳ.
4. Phí dịch vụ và các phí khác đã thu theo biểu phí không hoàn lại trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.
5. Đối với các khoản phí tính bằng ngoại tệ, Khách hàng có thể thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ do PVcomBank công bố tại thời điểm thu phí
6. Khách hàng thông báo trước cho PVcomBank ½ ngày nếu rút số tiền mặt ngoại tệ trên 10.000 USD, báo trước 1 ngày nếu số tiền trên 50.000 USD.
7. Khi thực hiện các nghiệp vụ quy định tại biểu phí này, các chi phí phát sinh như bưu phí, điện phí và các chi phí khác do Ngân hàng khác thu sẽ được thu theo thực tế phát sinh.
8. Khi thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của Khách hàng, trường hợp phí của PVcomBank và/hoặc phí của Ngân hàng đại lý thực hiện dịch vụ do khách hàng nước ngoài hoặc đối tượng khác chịu nhưng PVcomBank và/hoặc các Ngân hàng đại lý không thu hồi được, PVcomBank sẽ thu từ người yêu cầu thực hiện giao dịch.
9. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay sau khi phát sinh hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ tùy theo tính chất của từng loại dịch vụ đó.
10. Những loại phí dịch vụ khác không được liệt kê trong biểu phí này sẽ được PVcomBank thông báo cho Khách hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.
11. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định Quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước
12. Trường hợp KH đã được miễn giảm phí: Nếu mức phí sau khi được miễn giảm nhỏ hơn phí tối thiểu, PVcomBank sẽ thu theo phí tối thiểu